

Số: 31/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020), của tỉnh Hà Giang;

Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Giang về Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số: 46/BC-KTNS ngày 08 tháng 12 năm 2019, của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang, như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng gồm 50 công trình, dự án, trong đó:

a) Tổng diện tích thu hồi: 3.688.053 m²;

b) Tổng kinh phí bồi thường: 75.591 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

2. Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng; gồm 26 công trình, dự án với tổng diện tích là 272.932 m².; trong đó diện tích đất trồng lúa: 230.929 m²; đất rừng phòng hộ 42.003 m².

(Chi tiết tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 05 công trình, dự án với tổng diện tích rừng 110.370 m². Trong đó:

1. Diện tích rừng trồng phòng hộ 1.370 m².
2. Diện tích rừng tự nhiên sản xuất: 48.140m².
3. Diện tích rừng trồng sản xuất: 60.860 m².

(Chi tiết tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất lúa, sử dụng đất rừng sang mục đích khác đối với diện tích đất vượt quá thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Bộ Tài Nguyên và Môi trường;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Báo Hà Giang, Đài PT-TH tỉnh; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND (1b).

CHỦ TỊCH



Thào Hồng Sơn



PHỤ LỤC I

Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

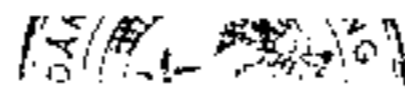
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
	Toàn tỉnh		3.688.053	350.653	42.003	1.505.019	1.790.379	75.591	2.100	5.901	67.590	
I	TP. HÀ GIANG		40.000	-	40.000		-	-	-	-	-	
1	Đường lên trận địa pháo phòng không	P. Ngọc Hà, P. Trần phú, P. Minh Khai	40.000		40.000							
II	H. ĐÔNG VĂN		1.200	-	-	-	1.200	100	-	-	100	
1	Dự án: Trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện Đông văn	Thị trấn Đông Văn	1.200				1.200	100			100	
III	H. MÈO VẠC		125.604	10.534	-	-	115.070	4.450	2.100	800	1.550	
1	Xây dựng công viên cây xanh, thể dục thể thao huyện Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc	3.500				3.500	800		800		
2	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Mèo Vạc năm 2020	Xã Cán Chu Phìn, xã Lũng Pù, xã Khâu Vai	234	34			200	50			50	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (đự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
3	Trụ sở làm việc chi cục Hải quan cửa khẩu Sầm Sơn	Xã Thượng Phùng	6.000	2.500			3.500	1.500			1.500	
4	Nhà văn hóa truyền thống dân tộc Lô Lô thôn Sàng Pà A thị trấn Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc	2.000				2.000	500	500			
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Yên Minh-Mậu Duệ-Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Địa phận huyện Mèo Vạc	55.870				55.870	750	750			
		Địa phận huyện Yên Minh	58.000	8.000			50.000	850	850			
IV	H. YÊN MINH		409.382	46.000	-	-	363.382	16.620	-	120	16.500	
1	Cải tạo sửa chữa và mở rộng chợ gia súc xã Sùng Thái	xã Sùng Thái	1.500				1.500	50		50		
2	Xây dựng chợ xã Du Già, huyện Yên Minh	xã Du Già	10.500				10.500	70		70		
3	Khu đô thị hỗn hợp 1A, thị trấn Yên Minh (Khu dân cư 1A)	TT. Yên Minh	74.000	36.000			38.000	6.000			6.000,0	
4	Khu đô thị hỗn hợp 1B, thị trấn Yên Minh (Khu dân cư 1B)	TT. Yên Minh	44.600	10.000			34.600	4.000			4.000,0	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m2)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m2)	Diện tích đất khác còn lại (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
5	Thủy điện Nậm Lang	xã Ngọc Long, Lũng Hồ, Du Già, Du Tiến	278.782				278.782	6.500			6.500,0	
V	H. QUẢN BẠ		4.960	-	-		4.960	451	-	451	-	
1	Nâng cấp thay máy và lắp đặt cột đường dây 0,4kV cấp điện thôn Đâu Cầu I, xã Cán Tỷ và dự án bảo tồn Làng văn hóa Dân tộc Mông	xã Cán Tỷ,	360				360	50,5		50,5		
2	Xây dựng chợ gia súc xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ	xã Nghĩa Thuận,	1.800				1.800	150		150		
3	Xây dựng chợ gia súc xã Cao Mã Pờ, huyện Quản Bạ	xã Cao Mã Pờ	2.800				2.800	250		250		
VI	H. BẮC MÊ		358	58	-		300	700	-	-	700	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Mê năm 2020	Xã Yên Định, xã Yên Phú	358	58			300	700			700	
VII	H. VỊ XUYỀN		324.692	13.370	2.003	51.309	258.011	28.490	-	1.930	26.560	
1	Chợ trung tâm xã	Xã Xin Chải	2.000,0				2.000,0	200,0		200,0		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
2	Mở rộng công viên Hồ công đồng	Thị trấn Vị Xuyên	17.859,6				17.859,6	1.700,0		1.700,0		
3	Dự án: "Hệ thống cấp nước Suối Sừu về hồ dự trữ điều tiết nước trung tâm xã Phong Quang để bảo vệ nguồn nước trồng, bảo vệ rừng đặc dụng chống hạn hán, phát triển nông lâm nghiệp, tận thu cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường cho xã Phong Quang huyện Vị Xuyên và thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang" (bổ sung diện tích).	Xã Phong Quang, xã Phương Tiến	2003		2003							
4	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Vị Xuyên năm 2020	Xã Quảng Ngần, Xã Trung Thành	92	20			72	60			60	
5	Khu đô thị hỗn hợp Đông Bắc thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	Thị trấn Vị Xuyên	186.000				186.000	20.000			20.000	



Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
6	Khai thác quặng sắt mỏ Nam Lương	Xã Thuận Hòa	113.197	11.888		51.309	50.000	5.000			5.000	
7	Trụ sở Kho bạc nhà nước huyện Vị Xuyên	TT. Vị Xuyên	1901				1901	1500			1500	
8	Chuyển mục đích để đấu giá đất khu trung tâm xã Kim Linh	xã Kim Linh	1.500,0	1.462,0			38,0					
9	Mở rộng trường tiểu học xã Trung Thành	xã Trung Thành	140,0				140	30		30		
VIII	H. HOÀNG SU PHÌ		1.248	150	-	-	1.098	450	-	300	150	
1	Dự án: Nhà lợp học trường Mãn Non, xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty	300,0				300,0	150,0		150,0		
2	Dự án: Nhà lợp học trường Mãn Non, xã Đản Ván	Xã Đản Ván	300,0				300,0	150,0		150,0		
3	Dự án: Nhà bia ghi tên các anh hùng, liệt sỹ xã Pố Lò	Xã Pố Lò,	328				328	50			50	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m2)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m2)	Diện tích đất khác còn lại (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
4	Dự án: Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Hoàng Su Phì năm 2020 (TBA thôn Tà Đán, xã Pờ Ly Ngài)	Xã Pờ Ly Ngài, huyện Hoàng Su Phì	320	150			170	100			100	
IX	H.XIN MÀN		110.714	6.345	-	14.000	90.369	3.540	-	200	3.340	
1	Bãi rác thải SH xã Bản Ngò	Xã Bản Ngò	5.000				5.000	200			200	
2	Sân thể thao bóng đá MINI xã Bản Ngò	Xã Bản Ngò	7.500				7.500	200		200		
3	Mỏ Mica Nà Tri (hạng mục công trình phụ trợ)	Thôn Khâu Lầu - Nà tri	14.000			14.000		140			140	
4	Thủy điện Nậm Ly 2	Xã Quảng Nguyên + Khuôn Lũng	84.214	6.345			77.869	3.000			3000	
X	H. QUANG BÌNH		1.682.878	21.192	-	1.420.400	241.286	2.390	-	2.100	290	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
1	San ủi mặt bằng khu dân cư tổ 2, thị trấn Yên Bình bám đường Trường Chinh và đường Trần Hưng Đạo để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở (diện tích vùng phụ cận hạ tầng kỹ thuật đường Trường Chinh và đường Trần Hưng Đạo)	Thị trấn Yên Bình	800				800	100		100		
2	Trạm y tế xã Xuân Giang	xã Xuân Giang	10.614	10.614				2.000		2.000		
3	Thủy điện Xuân Minh	Xã Xuân Minh + xã Tiên Nguyên	8.100	8.100				50			50	
4	Cơ sở Tôn giáo: Linh Quang Tự	Thị trấn Yên Bình	3.200				3.200	200			200	
5	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Quang Bình năm 2020	Xã Bằng Lang, Xã Xuân Giang	88	28			60	20			20	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
6	Xuất tuyến đường dây 35kV lộ 375 E22.3, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang	Xã Hương Sơn	500	150			350	20			20	
7	Lòng hồ thủy điện Sông Chưm	Xã Tân Nam + Tiên Nguyên + thị trấn Yên Bình	1.623.576			1.420.400	203.176					
8	Dự án: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi thôn Yên Trung, thị trấn Yên Bình	Thị trấn Yên Bình	36.000	2.300			33.700					
XI	H. BẮC QUANG		987.017	253.004	-	19.310	714.703	18.400	-	-	18.400	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Quang năm 2020	Xã Vĩnh Hảo, Xã Quang Minh, Xã Vĩnh Phúc	242	172			70	50			50	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
2	Dự án: CQT trạm biến áp khu vực Vj Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Hoàng Su Phi, Xin Mần năm 2019 (phần bổ sung)	Thị trấn Việt Quang	80	60			20	50			50	
3	Cải tạo đường dây 110kV Bắc Quang - Khánh Hòa	TT. Việt Quang, xã Quang Minh, xã Hùng An, xã Vĩnh Hào, TT Vĩnh Tuy, Xã Đồng Yên	491.242	119.724		10.000	361.518	3.800			3.800	
4	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bắc Quang	Xã Hùng An, Xã Quang Minh, TT Việt Quang	319.198	44.446		9.160	265.592	3.500			3.500	
5	Xuất tuyến đường dây 35kV lộ 375 E22.3, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang	Xã Vĩnh Hào, xã Vĩnh Phúc, Xã Việt Hồng, TT Việt Quang	868	215		150	503	1.000			1.000	
6	Thủy điện Tân Lập (bổ sung)	Xã Tân Lập	12.000	12.000				5.000			5.000	
7	Khu đô thị An Bình	Xã Việt Vinh	152.000	65.000			87.000	5.000			5.000	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
					Tổng số	Tổng số						
8	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu thị trấn Vĩnh Tuy (Chuyển mục đích)	Thôn Tân Lập, thị trấn Vĩnh Tuy	5.387	5.387								
9	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu xã Hùng An; Trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Chuyển mục đích)	Thôn Tân Hùng, xã Hùng An	6.000	6.000								



Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất theo Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai để thực hiện dự án đầu tư năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)	
				Tổng số	Tổng số			
	Toàn tỉnh		1.031.465	230.929	42.003	60.619	697.914	
I	TP. HÀ GIANG		40.000	-	40.000		-	
1	Đường lên trận địa pháo phòng không	P. Ngọc Hà, P. Trần phú, P. Minh Khai	40.000		40.000			
II	H. MÈO VẠC		120.104	10.534	-	-	109.570	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Mèo Vạc năm 2020	Xã Cán Chu Phìn, xã Lũng Pù, xã Khâu Vai	234	34			200	
2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Yên Minh-Mậu Duệ-Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Địa phận huyện Mèo Vạc	55.870				55.870	
		Địa phận huyện Yên Minh	58.000	8.000			50.000	
3	Trụ sở làm việc chi cục Hải quan cửa khẩu Sâm Pùn	Xã Thượng Phùng	6.000	2.500			3.500	
III	H. YÊN MINH		118.600	46.000	-	-	72.600	
1	Khu đô thị hỗn hợp IA, thị trấn Yên Minh (Khu dân cư IA)	TT. Yên Minh	74.000	36.000			38.000	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)	
					Tổng số	Tổng số		
2	Khu đô thị hỗn hợp 1B, thị trấn Yên Minh (Khu dân cư 1B)	TT. Yên Minh	44.600	10.000			34.600	
IV	H. BẮC MÊ		358	58	-		300	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Mê năm 2020	Xã Yên Định, xã Yên Phú	358	58			300	
V	H. VỊ XUYÊN		116.792	13.370	2.003	51.309	50.110	
1	Dự án: "Hệ thống cấp nước Suối Sưu về hồ dự trữ điều tiết nước trung tâm xã Phong Quang để bảo vệ nguồn nước trồng, bảo vệ rừng đặc dụng chống hạn hán, phát triển nông lâm nghiệp, tận thu cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường cho xã Phong Quang huyện Vị Xuyên và thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang" (bổ sung diện tích).	Xã Phong Quang, xã Phương Tiến	2003		2003			
2	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Vị Xuyên năm 2020	Xã Quảng Ngân, Xã Trung Thành	92	20			72	
3	Khai thác quặng sắt mỏ Nam Lương	Xã Thuận Hòa	113.197	11.888		51.309	50.000	
4	Chuyển mục đích để đấu giá đất khu trung tâm xã Kim Linh	xã Kim Linh	1.500.0	1.462,0			38,0	



Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất			Ghi chú	
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)		Diện tích đất khác còn lại (m ²)
				Tổng số	Tổng số			
VI	H. HOÀNG SU PHÌ		320	150	-	-	170	
1	Dự án: Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Hoàng Su Phì năm 2020 (TBA thôn Tả Đán, xã Pờ Ly Ngài)	Xã Pờ Ly Ngài, huyện Hoàng Su Phì	320	150			170	
VII	H. XÍN MÀN		84.214	6.345	-	-	77.869	
1	Thủy điện Nậm Ly 2	Xã Quảng Nguyên + Khuôn Lùng	84.214	6.345			77.869	
VIII	H. QUANG BÌNH		55.302	21.192	-	-	34.110	
1	Thủy điện Xuân Minh	Xã Xuân Minh + xã Tiên Nguyên	8.100	8.100				
2	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Quang Bình năm 2020	Xã Bằng Lang, Xã Xuân Giang	88	28			60	
3	Xuất tuyến đường dây 35kV lộ 375 E22.3, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang	Xã Hương Sơn	500	150			350	
4	Dự án: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi thôn Yên Trung, thị trấn Yên Bình	Thị trấn Yên Bình	36.000	2.300			33.700	
5	Trạm y tế xã Xuân Giang	xã Xuân Giang	10.614	10.614				

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng Phòng hộ (m ²)	Diện tích đất rừng Sản xuất (m ²)	Diện tích đất khác còn lại (m ²)	
					Tổng số	Tổng số		
IX	H. BẮC QUANG		495.775	133.280	-	9.310	353.185	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Quang năm 2020	Xã Vĩnh Hào, Xã Quang Minh, Xã Vĩnh Phúc	242	172			70	
2	Dự án: CQT trạm biến áp khu vực Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Hoàng Su Phì, Xín Mần năm 2019 (phần bổ sung)	Thị trấn Việt Quang	80	60			20	
3	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bắc Quang	Xã Hùng An, Xã Quang Minh, TT Việt Quang	319.198	44.446		9.160	265.592	
4	Xuất tuyến đường dây 35kV lộ 375 E22.3, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang	Xã Vĩnh Hào, xã Vĩnh Phúc, Xã Việt Hồng, TT Việt Quang	868	215		150	503	
5	Thủy điện Tân Lập (bổ sung)	Xã Tân Lập	12.000	12.000				
6	Khu đô thị An Bình	Xã Việt Vinh	152.000	65.000			87.000	
7	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu thị trấn Vĩnh Tuy (Chuyển mục đích)	Thôn Tân Lập, thị trấn Vĩnh Tuy	5.387	5.387				
8	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu xã Hùng An; Trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Chuyển mục đích)	Thôn Tân Hùng, xã Hùng An	6.000	6.000				

Danh mục công trình, dự án trình chủ trương chuyển đổi rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp năm 2020 trên địa bàn

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Tên dự án. Công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Tổng diện tích đất có rừng chuyển đổi (m ²)	Trong đó: Chia ra các loại rừng				Ghi chú
					Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
1	Dự án thủy điện Cốc Ré 2	Xã Ngán Chiên, Cốc Ré huyện Xín Mần		30.000				30.000	Về đất đai đã được thông qua tại NQ số 10/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh.
2	Dự án thủy điện Sông chày 6	Xã Ngán Chiên, Cốc Ré, Tà Nhiu, Thèn Phàng, Cốc Pài, Nàn Ma, Bản Ngò huyện Xín Mần		10.860				10.860	Về đất đai đã được thông qua tại Nghị quyết 33/NQ-HĐND ngày 21/7/2016; Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh
3	Dự án thủy điện Suối đỏ	Xã Chiến Phố, Bản Phùng huyện Hoàng Su Phì		20.000				20.000	Về đất đai đã được thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh.
4	Dự án thủy điện Bắc Mê	Xã Yên Phong, Phú Nam huyện Bắc Mê		48.140				48.140	Có VB số 1222/TTg-NN ngày 14/9/2018 của Chính phủ cho phép CDR tự nhiên. Về đất đai đã được thông qua tại Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh.

STT	Tên dự án. Công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Tổng diện tích đất có rừng chuyển đổi (m ²)	Trong đó: Chia ra các loại rừng				Ghi chú
					Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
5	CT Xứ lý các vị trí tiềm ẩn TNGT trên QL 4C	Xã Na Khê huyện Yên Minh		1.370		1.370			Về đất đai đã được thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-HDND ngày 19/7/2019. Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh v/v phân bổ chi tiết nguồn kinh phí sự nghiệp giao thông năm 2019; Quyết định số 1604/QĐ-TCDBVN ngày 22/5/2019 v/v phê duyệt báo cáo KTKT.
		Tổng cộng		110.370	0	1.370	48.140	60.860	